

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:38/2021/HS-ST

Ngày 29 – 6 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Hoà; Ông Võ Hoàng; Bà Trần Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Cường – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST – HS ngày 31 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **M**, sinh ngày 7/4/1989 tại Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: Thôn Nhon Phú, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lái xe; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Như Y, sinh năm 1957 và bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1962; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; chưa có vợ, con;

Tiền án: 02 tiền án.

- Tại bản án số 57/HSST ngày 31/8/2012 của Tòa án huyện C đã kết án 3 năm 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 25/01/2015 chấp hành xong hình phạt.(Chưa được xoá án tích)

- Tại bản án số 341/2019/HSPT ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết án 13 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành hình phạt của bản án này, trốn tránh việc thi hành án và bị truy nã.

Tiền sự: 01 tiền sự.

Ngày 15/01/2020 bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính số tiền 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt ngày 06/5/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Mai Văn T, luật sư của Văn phòng Luật sư Mai Nguyễn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-*Người làm chứng:*

1. Chị Tạ Thị Thuý D, sinh năm 1996..

Trú tại: thôn Đức Thành, xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Vào lúc 10 giờ ngày 06/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku tiến hành bắt người đang bị truy nã đối với M (sinh năm 1989, bị Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Gia Lai truy nã về tội Trộm cắp tài sản), khi M đang có mặt tại phường T, thành phố P. Tang vật tạm giữ của M là: 08 bì ni lông chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 bì ni lông bên trong chứa 100 viên nén màu xanh và 01 hộp nhựa màu đen, bên trong chứa 299 viên nén màu xanh. Cùng ngày Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku bàn giao đối tượng và vật chứng cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số: 400/KLGD ngày 15/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

- 08 bì ni lông ghi thu của M gửi giám định là Ketamine, có tổng khối lượng là 284,8833 gam.

- 100 viên nén, là ma túy loại MDMA có tổng khối lượng có tổng khối lượng 37,3708 gam.

- 299 viên nén, là ma túy loại MDMA, có tổng khối lượng **111,9341 gam**.

Tổng số ma túy thu giữ của M khi bắt giữ là: 284,8833 gam Ketamine và 149,3049 gam MDMA.

Đến lúc 17 giờ 30 ngày 06/5/2020 tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của M tại số 06/471 Lý Thái Tổ, thành phố Pleiku, Cơ quan điều tra thu giữ: 02 cân tiểu ly và 01 cuốn sổ.

Tại Cơ quan điều tra M khai nhận: M và các đối tượng Lộc Sói, Trần Lão (không biết tên, nhân thân lai lịch) quen nhau thông qua mối qua hệ xã hội, biết Trần Lão bán ma túy nên vào ngày 14/4/2020 M mua của Trần Lão 50 gam ma túy loại Ketamine và 100 viên ma túy loại thuốc lắc với tổng số tiền là 85.000.000 đồng, số ma túy này M đã bán hết cho người khác và thu lời được 43.250.000 đồng, M đã tiêu xài hết số tiền này. Việc bán ma túy M ghi vào cuốn sổ tay cá nhân, quá trình khám xét Cơ quan điều tra thu giữ cuốn sổ này và đã được Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận giám định là chữ viết trong cuốn sổ là của M. Trong sổ ghi chép này thể hiện M đã bán 102 viên thuốc lắc và 04 hộp “10” khay, 07 hộp “05” khay và 05 chấm khay. Số ma túy khay (Ketamine) được bị can giải thích hộp “10” là 10 gam x 04 hộp = 40 gam; hộp “05” là 05 gam x 07 hộp = 35 gam, 05 chấm không quy đổi được khối lượng. Như vậy số ma túy bị can đã bán là 102 viên thuốc lắc và 75 gam và 05 chấm ma túy dạng khay (Ketamine).

Đến đầu tháng 5 năm 2020, M tiếp tục liên hệ với Trần Lão để mua nợ ma túy bán, sau khi có tiền sẽ trả, Trần Lão đồng ý và hẹn khi có ma túy sẽ cho người mang ma túy về Pleiku cho M. Đến sáng 06/5/2020 Trần Lão điện thoại cho M và nói đã bán cho M 250 gam Ketamine và 399 viên thuốc lắc với số tiền là 296.820.000 đồng và Trần Lão cho người mang ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh về Pleiku cho M. M hẹn đón người này tại ngã ba Vạn Kiếp - Lý Thái Tổ, thuộc tổ 03, phường T, thành phố P để giao nhận ma túy. Đến khoảng 08 giờ ngày 06/5/2020, M gặp người của Trần Lão đến giao ma túy, rồi cùng đi thuê phòng nghỉ mục đích để kiểm tra ma túy, M nhận ma túy và cân thử số ma túy loại Ketamine và chụp hình cân ma túy gửi qua Zalo cho Trần Lão để báo khối lượng ma túy Ketamine đã nhận, do sợ bị bắt nên M và người đến giao ma túy không dám ở lâu trong nhà nghỉ. Đến khoảng 09 giờ ngày 06/5/2020, M dẫn người thanh niên đến giao ma túy về phòng trọ của mình ở tại số 471/6 đường Lý Thái Tổ, thuộc tổ 03, phường T, thành phố P tỉnh Gia Lai tắm và thay quần áo (phòng trọ M ở chung với Tạ Thị Thúy D). Do lúc này Tạ Thị Thúy D đang ở trong phòng, vì không muốn cho D biết việc mua bán ma túy nên M gọi xe taxi đến chở M và người thanh niên đi ra quán cà phê để tiếp tục kiểm đếm số thuốc lắc người này mang đến.

Đến khoảng 10 giờ ngày 06/5/2020 xe ô tô chở M và người thanh niên đến giao ma túy đi đến khu vực Vạn Kiếp- Phạm Văn Đồng thuộc tổ 01, phường T, thành phố P thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku phát hiện và bắt giữ theo quyết định truy nã số 04/QĐTN ngày 21/4/2020 của Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Gia Lai. Phát hiện M bị bắt, đối tượng giao ma túy bỏ chạy làm rơi 01 chiếc điện thoại Iphone kèm theo sim.

Tang vật vụ án: - 284,8833 gam Ketamine và 149,3049 gam MDMA được niêm phong trong 02 phong bì thư có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

- 02 điện thoại di động hiệu Iphone; 02 cân điện tử; 01 cuốn sổ ghi chép việc mua bán ma túy; 01 giấy phép lái xe mang tên M

Bản cáo trạng số 21/CTr – VKS – P1 ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo các điểm b, e khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

c. Tại phiên tòa:

**Ý kiến của bị cáo:* Bị cáo M khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố.

**Quan điểm luận tội của kiểm sát viên:*

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị kết tội bị cáo M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

- Áp dụng điểm b, e khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 39 của BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo hình phạt: Tù Chung thân.

- Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp với phần hình phạt 13 năm tù, chưa chấp hành của bản án số 341/2019/HSPT ngày 01/11/2019 của Tòa Cấp cao tại Đà Nẵng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: Tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt 06/5/2020. Được khấu trừ gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam về tội “Trộm cắp tài sản” (Từ ngày 20/12/2017 đến ngày 15/6/2018).

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu của bị cáo 43.250.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép ma túy để sung công quỹ nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo M : 01 Giấy phép lái xe mang tên M .

+ Tịch thu sung công quỹ: 02 điện thoại di động kèm 01 sim; 02 cân điện tử.

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:* Thống nhất về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét quá trình điều tra bị cáo đã tự khai ra thông tin, họ tên, địa chỉ của những người đã mua ma túy của bị cáo, bị cáo cũng tự khai nhận về số lượng ma túy đã bán, số tiền đã thu lời từ việc bán ma túy được ghi trong cuốn sổ mà Công an đã thu giữ của bị cáo, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

tình thêm tình tiết giảm nhẹ “Đầu thú” quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo; Về hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo hình phạt 20 năm tù là phù hợp.

Bị cáo: Thống nhất với ý kiến của người bào chữa.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo M khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ ngày 06/5/2020, tại khu vực phường T, thành phố P, M bị bắt khi đang tàng trữ **284,8833 gam Ketamine** và **149,3049 gam MDMA** với mục đích để bán; Trước đó ngày 14/4/2020 M đã bán 102 viên thuốc lắc (MDMA) và **75gam** cùng 05 chấm ma túy dạng khay (**Ketamine**) thu lợi 43.250.000 đồng. Với khối lượng các chất ma túy mà M đã tàng trữ, mua bán nêu trên, hành vi của M đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b,e khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đúng như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã viện dẫn để truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về chất ma túy, bị cáo mua bán ma túy với khối lượng lớn, phạm vào 02 tình tiết định khung, trước đó đã bị kết án 02 lần về tội “Trộm cắp tài sản”, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, trốn tránh việc thi hành án và bị truy nã, trong thời gian trốn nã, bị cáo tiếp tục thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy, điều này cho thấy ý thức coi thường pháp luật của bị cáo, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm M mới đảm bảo tác dụng răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Bị cáo có nhân thân xấu, phạm vào 02 tình tiết tăng nặng “Phạm tội hai lần trở lên”, “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự sẽ được áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng, cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo vô thời hạn khỏi đời sống xã hội mới phù hợp, thoả đáng.

Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 13 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của bản án trước đó mà bị cáo chưa chấp hành.

[4] Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Đầu thú” quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo, vì bị cáo đã tự nguyện giải thích việc mua bán trong cuốn sổ đã thu giữ của bị cáo và hợp tác với cơ quan điều tra, khai ra những người liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy các hành vi nêu trên chỉ có ý nghĩa thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của bị cáo, nên không được coi là tình tiết giảm nhẹ như luật sư đề nghị.

[5]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 43.250.000 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép ma túy nên cần truy thu để sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 Giấy phép lái xe mang tên M không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 02 điện thoại di động và 01 sim, 02 cân điện tử là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng phạm tội nên tịch thu sung công quỹ.

Đối với số lượng ma túy thu giữ được là chất cấm lưu hành nên tịch thu tiêu huỷ. số ma túy này được niêm phong trong phong bì niêm phong có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

[6]. Đối với Tạ Thị Thuý D: Trong vụ án này, D có hành vi có dấu hiệu của tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vì vậy đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Gia Lai tiếp tục điều tra, xác M, củng cố chứng cứ về hành vi này để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

-Áp dụng điểm b,e khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 39 Điều của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo M : **Tù Chung thân**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 06/5/2020).

-Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án: - Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp với phần hình phạt 13 năm tù, chưa chấp hành của bản án số 341/2019/HSPT ngày 01/11/2019 của Tòa Cấp cao tại Đà Nẵng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: **Tù Chung thân**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt 06/5/2020. Được khấu trừ gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam về tội “Trộm cắp tài sản” (Tù ngày 20/12/2017 đến ngày 15/6/2018).

[2] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu của bị cáo 43.250.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép ma túy để sung công quỹ nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo M : 01 Giấy phép lái xe mang tên M .

+ Tịch thu sung công quỹ: 02 điện thoại di động kèm 01 sim; 02 cân điện tử.

+ Tịch thu tiêu huỷ: 02 phong bì niêm phong có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 40 /2021 ngày 19/ 3 /2021 giữa cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Cục THA Dân sự tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Người TGTT khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Võ Văn Bình

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 11 tháng 3 năm 2021,
Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn M.

Ông Dương Đình Diện

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số: 84/2020/TLST – HS ngày 19 tháng 11 năm 2020, đối với **Nguyễn Trọng**, sinh ngày 16/12/1995 tại Kon Tum; Nơi cư trú: tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: không;

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

2. Các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thu thập đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

3. Có căn cứ kết tội bị cáo: Nguyễn Trọng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

4. Về điều luật áp dụng, hình phạt:

-Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Trọng **10** (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 23/4/2020).

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

5. Về hình phạt bổ sung: Không.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

6. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, không thuộc trường hợp miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

7. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng số tiền 420.000đồng (*Bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại Iphone, không có sim số; 01 điện thoại di động hiệu Redmi cùng sim số.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

7. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

8. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra Viên, kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

9. Hội đồng xét xử không kiến nghị gì.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/35.

10. Tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

